

Giải pháp chính trị của Nhật Bản tại Việt Nam từ 3/1945 đến 8/1945

• Phan Văn Cả

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Sau khi xóa bỏ chính quyền thuộc địa của Pháp tại Đông Dương, chấm dứt giai đoạn Nhật – Pháp cùng cai trị, chính phủ Nhật công khai chính sách ủng hộ nền “độc lập” của Việt Nam. Tuy nhiên, nhìn toàn cuộc của bối cảnh chính trị lúc đó, sự ra đời của chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim là một giải pháp của Nhật Bản đối với tình hình Việt Nam thời hậu đảo chính. Giải pháp này xuất phát từ sự tính toán

trong kế hoạch của giới cầm quyền Nhật và bối cảnh lịch sử cụ thể lúc đó tại Việt Nam. Đối với Nhật, mục đích cuối cùng cần đạt được sau đảo chính là không làm ảnh hưởng đến nỗ lực chiến tranh. Đối với Pháp, họ không những mất thuộc địa mà còn mất luôn cả vị thế của mình trong con mắt của nhân dân thuộc địa. Đối với mối quan hệ giữa Nhật Bản với Việt Nam, tính chất và động lực của nó cũng sẽ thay đổi.

Từ khóa: Giải pháp chính trị của Nhật Bản, Việt Nam

Đặt vấn đề

Ngày 9/3/1945, một chiến dịch mang tên MEIGO (tiếng Anh gọi là Bright Moon) đã đánh dấu chấm hết cho sự cộng tác Pháp-Nhật ở Đông Dương. Vào thời điểm Nhật quyết định đảo chính Pháp, giới quân phiệt Nhật thấy ngày họ thất bại trước các nước Đồng Minh đang đến gần. Sự thất thế về quân sự khiến người Nhật ngay sau khi xóa bỏ chủ quyền của Pháp trên toàn cõi Đông Dương đã không mấy thiết tha trong việc thay thế người Pháp để thiết lập bộ máy hành chính mới. Lập trường chung của giới chức quân sự Nhật là không gây xáo trộn tình hình tại Việt Nam để không làm trầm trọng thêm những khó khăn mà họ đang gặp phải trước sức ép về mặt quân sự của quân Đồng Minh. Hơn nữa, số quan chức dân sự của Nhật tại Việt Nam quá ít nên không đủ để thiết lập một bộ máy cai trị trên toàn lãnh thổ Đông Dương. Do vậy, từ tháng 3/1945 đến 8/1945, một Chính phủ độc lập đã được khai sinh tại Việt Nam do nhu cầu quân sự của Nhật Bản.

Tuy ra đời trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt và được sử gia Vũ Ngự Chiêu ví như là một “*tai nạn lịch sử*” (an historical accident) được khai sinh do nhu cầu quân sự của Nhật¹ nhưng chính phủ Trần Trọng Kim được sự quan tâm nghiên cứu nhiều học giả trong và ngoài nước. Trong số đó phải kể đến như: Tønnesson Stein (Na Uy), David C. Marr (Úc), Vũ Ngự Chiêu và Dixee R. Bartholomew-Feis (Mỹ), Shiraishi Masaya và Kiyoko Kurusu Nitz (Nhật Bản), Phạm Hồng Tung (Việt Nam)... các tác giả này dựa vào nhiều nguồn tài liệu từ kho lưu trữ tại các nước để tìm hiểu sự ra đời, hoạt động và bản chất của chính phủ Trần Trọng Kim. Tuy nhiên, do mục đích nghiên cứu và tính chất của quá trình biên soạn khác nhau nên những nhận xét, đánh giá về bản chất của nội các Trần Trọng Kim có phần khác nhau, thậm chí còn trái ngược nhau. Bài viết này hướng đến mục tiêu tìm hiểu sâu hơn những giải pháp chính trị mà giới

¹ Vũ Ngự Chiêu (1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet- Nam (March-August 1945)”, *The Journal of Asian Studies*, Vol.45, No.2, tr.300.

cầm quyền Nhật thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn hậu đảo chính.

1. Quan điểm của giới cầm quyền Nhật Bản về Đông Dương sau cuộc đảo chính ngày 9/3/1945

Ngay khi mới đến Đông Dương năm 1940, giới quân sự Nhật chủ trương duy trì sự cai trị của thực dân Pháp, khuyến khích và tăng cường sự hợp tác giữa hai bên Pháp-Nhật. Bộ tổng tham mưu quân đội Nhật và tướng Hideki Tojo (thủ tướng Nhật từ 17/10/1941 đến 22/7/1944) cho rằng việc loại bỏ người Pháp ở Đông Dương đồng nghĩa với việc Nhật phải tăng quân, phải xây dựng lại bộ máy hành chính mới cùng với những hệ lụy phức tạp khác. Do đó, Đông Dương trở thành thuộc địa của thực dân da trắng duy nhất ở Đông Nam Á dưới sự kiểm soát của người Nhật². Tuy nhiên, giới quân sự Nhật coi việc hợp tác với Pháp ở Đông Dương chỉ là phương tiện nhất thời chứ không phải là mục đích lâu dài. Chính sách này có thể thay đổi bất cứ lúc nào dựa trên điều kiện thực tế của tình hình chiến sự.

Trên thực tế, trong lúc lên kế hoạch đảo chính, giới quân sự và dân sự Nhật thường xuyên xuất hiện những bất đồng về thời gian, về các quan hệ của họ với Pháp và quan trọng hơn là chính sách cần phải theo đuổi ở Đông Dương trong giai đoạn hậu đảo chính. Đại sứ Nhật tại Đông Dương chủ trương rằng mục đích của cuộc đảo chính là nên trao trả “độc lập” cho các nước Đông Dương với hai lý do: xu hướng đấu tranh chính trị trong bối cảnh quốc tế hiện tại; và nếu không làm như vậy thì cách mạng Việt Nam sẽ bùng nổ³. Ngày 16/1/1945, trong bản *Đề cương xử lý Đông Dương thuộc Pháp* gửi cho Bộ trưởng ngoại giao Shigemitsu Mamoru, Đại sứ quán Nhật tại Đông Dương đã trình bày ý định thiết lập “*Liên bang Việt Nam*” thay thế Đông Dương

thuộc Pháp: “*Việc xử lý Đông Dương thuộc Pháp lấy độc lập của nước An Nam (Việt Nam) làm mục tiêu đẩy mạnh các biện pháp và xúc tiến việc lập ra Liên bang Việt Nam có sự tham gia của Campuchia và Lào*”. Về “*An Nam*” bản Đề cương đã dự tính việc tiến hành đảo chính, truất ngôi Hoàng đế Bảo Đại, lập nên chính phủ độc lập và đưa Cường Để lên ngôi⁴.

Các thành viên của Bộ ngoại giao Nhật, đặc biệt là Bộ trưởng Shigemitsu Mamoru, muốn tuyên bố độc lập cho Đông Dương trước khi có bất kỳ hành động quân sự nào chống lại Pháp. Ông coi đó là “*phần cơ bản trong chính sách Đại Đông Á mới của Nhật*”. Trong một tuyên cáo gửi cho Đại sứ Nhật tại Sài Gòn, ông viết: “*Hiển nhiên là đế quốc của chúng ta không có mưu đồ lãnh thổ hay bất cứ thứ gì về Đông Dương, do đó có thể tuyên bố rằng nó sẽ không khước từ khoản trợ giúp nào cho nhân dân Đông Dương, những người đang cố bảo vệ giang sơn của mình trước những thế lực hung bạo ở Đông Á... mọi sự giúp đỡ có thể trên cơ sở Khu thịnh vượng chung Đại Đông Á*”⁵.

Những bức điện của Nhật được ULTRA (Cơ quan giải mã các tin tức tình báo cấp độ cao của tình báo Mỹ ở Đông Dương) giải mã trong tháng 2/1945 cho thấy Shigemitsu Mamoru thể hiện rõ quan điểm rằng “*ý kiến của Bộ (ngoại giao) về vấn đề độc lập ít ra một phần vì nỗi lo sợ chọc giận Liên Xô*”⁶. Một bức điện khác cho thấy rõ hơn mối bận tâm của Nhật. Bức điện này đã trình bày một cách có cơ sở việc cho phép Đông Dương độc lập càng sớm càng tốt vì: Liên Xô đã gọi Nhật là kẻ xâm lược; Thời gian khai mạc Hội nghị San Francisco là ngày 25/4/1945 (tại đây các nước Đồng Minh sẽ trình bày chính sách về Đông Dương); De Gaulle đã chuẩn bị công nhận chính phủ tự trị Đông Dương; Đảng Cộng sản địa phương đang gia tăng

² Masaya Shiraishi (1992), “The Background to the Formation of the Tran Trong Kim Cabinet in April 1945: Japanese Plans for Governing Vietnam”, in *Indochina in the 1940s and 1950s*, Takashi Shiraishi - Motoo Furuta, New York, Cornell, tr.114-115.

³ Văn Tạo - Futura Motoo (1995), *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam: những chứng tích lịch sử*, Viện sử học Việt Nam, Hà Nội, tr.35.

⁴ Futura Motoo (1998), *Việt Nam trong lịch sử thế giới*, Nguyễn Văn Nguyệt dịch, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.122.

⁵ Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh: Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Lương Lê Giang dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.210.

⁶ Như trên, *Sdd*, tr.208.

thanh thế tại Đông Dương phản đối Nhật loại bỏ Pháp và chủ trương độc lập thật sự⁷.

Cần nhấn mạnh rằng, ngày 10/12/1944, Liên Xô đã ký Hiệp ước đồng minh với chính phủ lâm thời Pháp. Điều này khiến cho giới cầm quyền Nhật lo sợ nếu Nhật Bản trút quyền Pháp ở Đông Dương thì chắc chắn mối quan hệ Nhật - Xô sẽ trở nên xấu hơn. Lúc bấy giờ, giới cầm quyền Nhật vẫn nuôi ảo tưởng nhờ Liên Xô làm trung gian để điều đình với các nước Đồng Minh. Do đó, Nhật muốn giữ mối quan hệ bình thường với Liên Xô. Shigemitsu Mamoru cho rằng Liên Xô luôn ủng hộ nền độc lập của các dân tộc, cho nên sau khi đảo chính ở Đông Dương, Nhật cần trao trả ngay độc lập cho các nước Đông Dương thì Liên Xô sẽ không can thiệp và do đó sẽ giữ được mối quan hệ bình thường với Liên Xô⁸.

Trong khi đó, quân đội Nhật không đồng tình với cách đánh giá của Bộ ngoại giao và cho rằng *“hoàn toàn cần thiết phải xử lý lực lượng Đông Dương thuộc Pháp trước khi tiến hành thêm bất cứ hành động nào khác”*⁹. Tướng Tsuchihashi, tư lệnh Quân đoàn số 38 đóng ở Đông Dương, chủ trương nên đặt toàn bộ Đông Dương dưới chế độ quân trị (gunsei), và mục đích của cuộc đảo chính là nhằm chuẩn bị đối phó với quân Mỹ sẽ đổ bộ vào Đông Dương. Để tránh khỏi mất trật tự, đối với Phủ Toàn quyền thì nhân viên người Nhật thay người Pháp, đối với các cơ quan cấp dưới thì cố giữ lại nhân viên cũ. Sau khi khôi phục được trật tự thì mới trao trả độc lập cho ba nước Đông Dương. Để tránh sự hỗn loạn, không nên thay vua An Nam tức là cố giữ Bảo Đại và loại trừ giải pháp đưa Cường Để về nước.

Những bất đồng trên tiếp tục được tiếp diễn tại Tokyo. Trong khi Bộ ngoại giao đòi xem lại vấn đề *“khôi phục độc lập cho An Nam và chấm dứt vai trò*

của Pháp bằng quân sự” thì Shigemitsu Mamoru chủ trương rằng mục tiêu của đảo chính phải là giải phóng con người (minzoku kaiho)¹⁰. Ông nhấn mạnh rằng *“minzoku kaiho”* có vẻ hợp với Liên Xô và chắc chắn sẽ làm hài lòng Liên Xô hơn lý do *“tự tồn tự vệ”* của Nhật để lấy cớ tiến hành chiến dịch MEIGO¹¹. Trong văn kiện ngoại giao ngày 16/1/1945, Bộ ngoại giao Nhật cho rằng *“việc trao trả độc lập cho An Nam cần thông qua một cuộc đảo chính chính trị và vẫn duy trì chế độ phong kiến hiện tại”*¹². Trong khi đó, Bộ Tổng tham mưu Lục quân chủ trương rằng mục đích của cuộc đảo chính là *“tự tồn tự vệ”* của quân đội Nhật Bản, còn vấn đề trao trả độc lập không phải là vấn đề cấp bách. Các giới chức cao cấp trong quân đội và Chính phủ Nhật cũng bày tỏ sự lo ngại rằng tư tưởng *“minzoku kaiho”* sẽ có nguy cơ chuyển cuộc đảo chính thành cuộc *“chiến tranh sắc tộc”*¹³.

Tại Hội nghị tối cao chỉ đạo chiến tranh ngày 1/2/1945, chủ nhiệm Cục tác chiến của Bộ Tổng tham mưu Nhật nói rằng: ở Việt Nam chúng ta chưa nắm được lãnh tụ dân tộc nào đáng tin cậy, nên không thể trao trả độc lập được. Hội nghị này quyết định mục đích của cuộc đảo chính là *“tự tồn tự vệ”* theo chủ trương của Bộ tổng tham mưu Lục quân, còn vấn đề trao trả độc lập thì chưa có quyết định nào rõ ràng. Nhưng tại Hội nghị tối cao chỉ đạo chiến tranh ngày 26/2/1945, Bộ Tổng tham mưu lục quân đã tán thành ý kiến lấy chính sách *“trao trả độc lập ngay”* sau cuộc đảo chính.

Như vậy, cho dù có nhiều bất đồng trong kế hoạch xử lý Đông Dương thời hậu đảo chính nhưng giới chức cầm quyền Nhật đã có được điểm chung là chỉ thực hiện *“tới mức chúng không cản trở các*

⁷ Như trên, *Sdd*, tr.208-209.

⁸ Tønnesson Stein (1991), *The Vietnam Revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at war*, International Peace Research Institute, Oslo, tr.36-37.

⁹ Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh*, tr.209.

¹⁰ Nguyễn Đình Lê (1994), *“Nền tảng của nội các Trần Trọng Kim: Những kế hoạch của Nhật về chính quyền Việt Nam”*, *Xưa và Nay*, Số (5), tr.9.

¹¹ Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh*, tr.209.

¹² Nguyễn Đình Lê (8.1994), *“Nền tảng của nội các Trần Trọng Kim”*, tr.9.

¹³ Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh*, tr.209.

chiến dịch quân sự”¹⁴. Điều này cũng có nghĩa là ý định của đại sứ quán Nhật và những nhóm người Việt thân Nhật trên thực tế hoàn toàn không thực hiện được. Bởi vì vào lúc này, quân đội Nhật phải dốc toàn lực vào việc đối phó với quân Đồng Minh theo dự kiến là sắp đổ bộ vào Đông Dương nên chẳng còn thời gian và hơi sức dành cho việc dựng lại chính phủ Việt Nam thân Nhật và tổ chức lại Liên bang Đông Dương. Vì vậy, Nhật Bản chủ trương cố gắng sử dụng bộ máy cai trị hiện có để đối phó với tình thế. Do đó, đối với trường hợp Việt Nam, Nhật đã chọn giải pháp không phế truất Bảo Đại, không thực hiện giải pháp đưa Cường Để về nước. Trên toàn cõi Đông Dương người Nhật vẫn giữ nguyên cơ cấu và thiết chế quyền lực do thực dân Pháp xác lập. Thay đổi duy nhất và căn bản nhất là người Nhật thay vào chỗ người Pháp ở những vị trí quyền lực cao nhất. Theo đó, Nam Kỳ vốn là “xứ thuộc địa” của người Pháp giờ đây trở thành thuộc địa của người Nhật Bản, vẫn tách rời khỏi Bắc Kỳ và Trung Kỳ, được đặt dưới sự cai trị trực tiếp của người Nhật và ngày 13.3.1945 Fujio Minoda được cử làm Thống đốc Nam Kỳ, thay vào chỗ Thống đốc Pages vừa bị lật đổ.

2. Loại bỏ giải pháp Cường Để - Ngô Đình Diệm

Sau ngày 9/3/1945, giải pháp của giới cầm quyền Nhật là đặt Đông Dương dưới sự kiểm soát của quân đội Nhật nhưng vẫn cho phép bộ máy hành chính cũ tồn tại. Điều này đồng nghĩa với việc loại bỏ giải pháp đưa Cường Để trở lại Việt Nam. Như đã trình bày, trong việc thực hiện phần thứ hai của chiến dịch MEIGO, tức là vấn đề lựa chọn một giải pháp chính trị hợp lý cho Đông Dương gặp rất nhiều rắc rối. Trong khi tướng Tsuchihashi và giới quân sự Nhật đề nghị đặt toàn bộ Đông Dương dưới chế độ cai trị của quân đội thì Bộ ngoại giao Nhật và một số tướng lĩnh quân sự lại ra sức vận động cho việc “trao trả độc lập” cho các dân tộc Đông Dương và dựng lên ở đó những chính phủ thân

Nhật. Trong trường hợp Việt Nam, nhóm này chủ trương đưa Cường Để về nước để lập ra chính phủ thân Nhật do Ngô Đình Diệm đứng đầu.

Trên thực tế, việc chọn giải pháp Cường Để không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Từ cuối năm 1943, trong khi Nhật chuẩn bị phương án cho một cuộc đảo chính quân sự ở Đông Dương thì phương án đầu tiên mà tình báo và quân đội Nhật ở Đông Dương soạn thảo (để trình lên lãnh đạo tối cao của Nhật ở Tokyo) đều dự kiến đưa Cường Để về nước cùng với Ngô Đình Diệm lập ra Chính phủ thân Nhật ở Việt Nam. Sau 1943, Nhật bắt đầu đánh bóng tên tuổi Cường Để trở lại và tăng cường sức mạnh cho tổ chức *Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội* trong nước. Tướng Matsui Iwane tuyên bố tại Sài Gòn rằng ông là bạn của Cường Để và “tốt nhất là người Pháp nên rời Đông Dương một cách êm ả; bằng không, họ sẽ thấy người Nhật hành động”¹⁵. Ngay sau cuộc đảo chính, ở nhiều nơi người ta đã bày hương án ra đường chờ đón hoàng thân Cường Để về lên ngôi vị hoàng đế.

Tuy nhiên, tướng Tsuchihashi, tư lệnh Quân đoàn số 38, người được giao nhiệm vụ toàn quyền chỉ huy cuộc đảo chính đã kịch liệt chống lại phương án Cường Để - Ngô Đình Diệm. Ông chủ trương giữ nguyên Bảo Đại và giúp đỡ Bảo Đại lập một Chính phủ mới với mục đích ít gây xáo trộn đối với trật tự chính trị bản xứ, làm như vậy quân Nhật có điều kiện tập trung nỗ lực trong việc phòng thủ Đông Dương trước sự đe dọa của quân Đồng Minh. Thái độ này của tướng Tsuchihashi đã làm cho Cường Để và những nhóm thân Nhật, ủng hộ ông, kể cả giới chức của Bộ ngoại giao Nhật không hài lòng. Do đó, vào tháng 1/1945, một phái đoàn từ Tokyo đến Việt Nam để vận động cho Cường Để lên ngôi, tuy nhiên khi được thiếu tướng Kawamura hỏi ý kiến thì tướng Tsuchihashi trả lời: “Tốt nhất nên từ chối”. Thậm chí, ngay từ ngày 20/2/1945 Tsuchihashi đã thông báo cho Tổng lãnh sự Nhật tại Sài Gòn Tsukamoto: “Trong giai đoạn hiện nay

¹⁴ Như trên, *Sđd*, tr.211.

¹⁵ Vũ Ngự Chiêu (Feb, 1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution”, tr.300.

không được cho phép các chính khách lưu vong tại Nhật nhập cảnh và Việt Nam”. Cuối tháng 2/1945, Tokyo đã phái một đặc sứ sang Việt Nam thuyết phục thêm một lần nữa để Tsuchihashi chấp nhận phương án Cường Để - Ngô Đình Diệm. Viên tướng này đã nổi giận, xẵng giọng trả lời: “Cứ việc đưa ông ta (Cường Để) về đây, nhưng nên nhớ rằng tôi sẽ tóm cổ ngay khi ông ta đặt chân xuống sân bay Sài Gòn và tống ông ta ra nhà tù ngoài Côn Đảo”¹⁶. Như vậy, yếu tố tận dụng sức mạnh người bản xứ đang có mặt trong nước của các chỉ huy tiền phương Nhật cho trận đánh cuối cùng mới là yếu tố chủ động, giải pháp đưa Cường Để về nước thất bại, người Nhật bận tâm nhiều đến những nỗ lực ngày càng tồi tệ của cuộc chiến hơn là thực hiện giải pháp Cường Để, ông không bao giờ được trở về. Lá bài Cường Để, cũng như Ngô Đình Diệm đã bị loại bỏ trước khi phát động chiến dịch Meigo¹⁷.

Có thể nguyên nhân khiến giới cầm quyền Nhật không đưa Cường Để về nước là khá rõ ràng. Điều này nằm trong ý đồ của giới quân sự. Từ 2/1939, Cường Để lập Việt Nam Phục quốc đồng minh hội (sau đó bỏ chữ “đồng minh” vì sợ hiểu lầm là theo phe Đồng Minh chống Nhật). Ông được xem là con bài dự trữ của Nhật, sẽ được dùng khi cần và được các nhân vật thân Nhật ở khắp ba miền trong nước xem là lãnh tụ. Tuy nhiên, chính bản thân Cường Để cũng có những bất lợi dễ nhận thấy, ông đã già và sống xa quê hương hầu hết thời trai trẻ. Nếu để Cường Để về nước, nguy cơ bùng nổ một cuộc tranh giành quyền lực giữa phe Cường Để và phe Bảo Đại sẽ làm xáo trộn “hậu phương” của Nhật - điều mà giới quân sự Nhật và tướng Tsuchihashi không hề mong muốn. Do đó, Nhật quyết định không đưa Cường Để từ Tokyo về nước trong tháng

3/1945 vì cảm thấy “nguy cơ bùng nổ tình trạng bất ổn ở địa phương”¹⁸.

Vấn đề lựa chọn Ngô Đình Diệm lập Nội các mới cũng gặp khó khăn hơn. Kế hoạch đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng được một nhóm trong giới chính khách Nhật tính đến từ lâu. Trong giới chính trị người Việt như: Vũ Đình Dy, Phan Thúc Ngô, các nhân vật Cao Đài, Hòa Hảo... đến các nhân vật sau này như Trần Trọng Kim, Nguyễn Trác... thì việc lựa chọn Diệm được coi như là hợp lý nhất. Ngô Đình Diệm từng làm tới chức Thượng thư Bộ lại, năm 1933, vì mâu thuẫn với Toàn quyền Pasquier và Phạm Quỳnh nên ông từ chức. Năm 1940, khi Nhật vào Việt Nam, Diệm và anh trai là Ngô Đình Khôi theo Nhật, đã liên lạc với Cường Để và gia đình họ Ngô chọn Nhật làm đồng minh thay cho người Pháp¹⁹. Để chống lại người Pháp, Ngô Đình Diệm cho thành lập một chính đảng bí mật lấy tên là *Đại Việt Phục Hưng hội* khoảng năm 1943, đảng này dường như hoạt động chủ yếu ở miền Trung Việt Nam và đa số - thậm chí tất cả thành phần nhân sự đều là người Công giáo²⁰. Ngô Đình Diệm cùng Nguyễn Xuân Chữ, Vũ Văn An, Lê Toàn, Vũ Đình Dy thành lập Ủy ban Kiến quốc, tôn Cường Để làm thủ lĩnh. Ngày 21.8.1944, Giám mục Vĩnh Long là Ngô Đình Thục đã gửi thư cho Toàn quyền Jean Decoux nhân danh quá trình tận tụy của cả gia đình cho Chính phủ Pháp để xin tha tội cho các em mình. Năm 1944, Pháp dự định bắt Diệm nhưng Nhật đã cho trung úy Kuga đưa Diệm vào Đà Nẵng rồi chở bằng máy bay vào Sài Gòn. Tuy nhiên, giải pháp Ngô Đình Diệm vẫn được bỏ qua.

Từ khi được Đại úy Kugo đưa về Sài Gòn, Trần Trọng Kim rất ngạc nhiên vì Diệm đã không có vai trò gì trong chính trường Việt Nam thời hậu đảo chính. Trong hồi ký của mình, Trần Trọng Kim

¹⁶ Phạm Hồng Tung (2003), “Về Cường Để và tổ chức Việt Nam phục quốc đồng minh hội trong thời kỳ thế chiến II”, *Nghiên cứu lịch sử*, Số (3), tr.12.

¹⁷ Tran My Van (2009), “Prince Cường Để (1882-1951) and his Quest for Vietnamese Independence”, *New Zealand Journal of Asian Studies* 11,1, tr.83.

¹⁸ Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh*, tr.212.

¹⁹ Vũ Ngự Chiêu (Feb, 1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution”, tr.306.

²⁰ Edward Miller (2004b), “Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54”, *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol.35, tr.436.

viết: “Cho đến nay, tôi vẫn chưa hiểu rõ tại sao bọn ông Diệm là người của ông Cường Để ủy quyền cho tổ chức việc thành lập chính phủ ở Đông Dương, và lại một số người Nhật Bản ủng hộ mà chính phủ Nhật lại bỏ rơi”. Trần Trọng Kim biết rằng, Diệm đã có kế hoạch lập chính phủ của Cường Để và nhóm của Diệm cũng đã lập được chính Đảng của họ (Ái Quốc Đảng), đó là những lý do được Nhật ủng hộ. Tại sao đến phút chót thì nhóm của Diệm lại không có phản ứng gì? Ngô Đình Diệm về Vĩnh Long còn Nguyễn Xuân Chữ thì ra Hà Nội.

Tuy vậy, khi ra Huế, Trần Trọng Kim từ chối tham gia Nội các vì cho rằng “ông Diệm có nhiều kinh nghiệm hơn”. Sau khi gặp Bảo Đại và Trần Đình Nam, Trần Trọng Kim vẫn chủ trương tán thành giải pháp Ngô Đình Diệm. Ông Kim kể lại cuộc hội kiến giữa ông với Bảo Đại tại Huế rằng, ông đã yêu cầu Bảo Đại nên dùng người đã dự định trước như Ngô Đình Diệm. Ông nói với Bảo Đại rằng ông có gặp Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn nhưng ông Diệm “trách người Nhật không cho ông ta biết tin tức gì về những chuyện xảy ra trong triều đình”²¹. Trần Trọng Kim yêu cầu Bảo Đại đánh điện cho ông Diệm một lần nữa. Theo đề nghị của Trần Trọng Kim, Bảo Đại gửi một bức điện thứ hai triệu tập Ngô Đình Diệm, bức điện này được cố vấn Yokoyama nhận chuyển giúp cho nhanh. Nhưng mãi đến 8 ngày sau, Yokoyama cho biết rằng Ngô Đình Diệm bị bệnh nên không về Huế được. Sau này Yokoyama mới cho Bảo Đại biết rằng người Nhật không muốn chọn Diệm²². Trước khi ra Huế, Trần Trọng Kim gặp Diệm tại trụ sở của Dainan Koosi nhưng cả hai không đề cập đến việc được Bảo Đại mời lập chính phủ. Trần Trọng Kim giải thích rằng Nhật “đã không dùng quân cờ Cường Để thì tất nhiên phải để bọn ông Diệm ra ngoài cuộc”²³. Edward Miller, dựa vào Shiraishi Masaya

cho rằng Ngô Đình Diệm đã nhận được bức điện thứ hai trong hai bức điện mà Bảo Đại gửi đi và đã tự ý từ chối lời đề nghị của Bảo Đại. Ông đã thắc mắc không biết vì lý do gì ông Diệm quyết định như vậy. Nhưng lại cho biết Diệm hối hận về quyết định này và cố gắng đảo ngược tình thế, nhưng quá muộn: Bảo Đại đã mời học giả Trần Trọng Kim lên làm thủ tướng²⁴. Tuy nhiên, Vũ Ngự Chiêu cho rằng tướng Nhật Tsuchihashi Yuitsui, Toàn Quyền Nhật tại Đông Dương đã không muốn đưa Cường Để lên ngôi, với hy vọng sẽ lợi dụng tối đa hệ thống hành chính thuộc địa của Pháp. Sau khi chờ đợi tin tức của Ngô Đình Diệm không được, Bảo Đại yêu cầu Trần Trọng Kim đứng ra thành lập chính phủ.

Như vậy, việc lựa chọn giải pháp Ngô Đình Diệm cũng không thành. Vậy đâu là nguyên nhân? Thực ra, quân Nhật biết rất rõ Ngô Đình Diệm là một phần tử thân Nhật, ông có một số tổ chức và lực lượng hậu thuẫn, kể cả với lực lượng Công giáo, Phục quốc và Cao Đài. Ngô Đình Diệm đã liên lạc với Cường Để từ 1943. Tuy nhiên, trước khi cuộc đảo chính diễn ra phương án dùng Diệm đã bị loại bỏ. GS Shiraishi Masaya đưa ra hai lý do: Bảo Đại biết Ngô Đình Diệm gần gũi với Nhật từ lâu, nhưng cái khó là không muốn dùng hoàn toàn Diệm vì ông ta là người theo chủ nghĩa quốc gia. Hơn nữa, giới quân sự Nhật lại không ưa Diệm nên Bảo Đại chuyển sang Trần Trọng Kim. Mặt khác, chính sự lạnh nhạt của quân đội Nhật, đặc biệt là tướng Hayashi (người đã lập kế hoạch đưa Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng trong chính phủ Cường Để) nên việc lựa chọn Diệm bị bỏ qua. Cuối cùng Shiraishi kết luận: “Họ (Cường Để và Diệm) là con bài trong giai đoạn đầu, nhưng trong bối cảnh đoạn cuối của cuộc chiến tranh Thái Bình Dương thì lại khác... dù Trần Trọng Kim là con bài thứ hai, được đưa lên khi con bài thứ nhất bị loại bỏ, nhưng với bản tính của Kim khiến ông có thể chấp nhận được cả Bảo Đại và cả quyền lực của quân đội Nhật Hoàng. Vì nói cho cùng Kim là ‘nhà ái quốc tin

²¹ Phạm Khắc Hòe (1985), *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.28-29.

²² Vũ Ngự Chiêu (Feb, 1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution”, tr.300; Bảo Đại (1980), *Le Dragon d’Annam*, Plon, Paris, tr.106.

²³ Trần Trọng Kim (1969), *Một cơn gió bụi (Kiến Văn Lục)*, Nxb Vĩnh Sơn, Sài Gòn, tr.45.

²⁴ Edward Miller (2004b), “Vision, Power and Agency”, tr.437.

tướng', không có kinh nghiệm gì về chính trị. Ông lại có thanh danh của một học giả nổi tiếng về lịch sử và văn hóa Việt Nam, tính cách trầm lặng, ôn hòa, cư xử lại đàng hoàng. Nói tóm lại ông có thể đóng vai trò vừa là bù nhìn lại vừa là yêu nước"²⁵.

3. Thành lập Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim

Trong đêm 9/3/1945, Bảo Đại không có mặt tại kinh thành Huế, ông đi săn ở khu rừng phía Bắc gần Quảng Trị. Có thông tin cho rằng Bảo Đại được Nhật thông báo cho ông biết về kế hoạch đảo chính của họ²⁶. Tác giả Gilbert David trong *Biên niên sử bí mật Đông Dương* (Chroniques Secrètes d'Indochine) xem đây là một sự tính toán. Bảo Đại không muốn chứng kiến sự tan rã của những người bạn cũ. Ông đã nghe được tin từ ngày 25/2/1945 là người Nhật sẽ hành động nhưng không thông báo cho người Pháp biết. Hành động này của ông được một tác giả Pháp nhận xét: "*Nhà vua đang lu mờ dần trong bàn tay người Pháp, chỉ vui thú săn bắn và mơ mộng thì nay đang chơi đùa chính trị khá tinh tế khiến các quân nhân Pháp không tưởng tượng nổi*"²⁷.

Sáng ngày 10/3/1945, khi đang trên đường về gần tới kinh thành, Bảo Đại bị một đơn vị Nhật thuộc Yasutai (cơ quan bí mật kiểm soát công tác tình báo cho Nhật) - chịu trách nhiệm "*giải cứu Hoàng đế Bảo Đại cùng vợ ông khỏi tay chính quyền Pháp*" do Đại úy Kaneko Noboru chỉ huy, chặn lại. Viên chỉ huy Nhật thông báo cho Bảo Đại biết rằng, chính quyền Pháp đã bị quân Nhật lật đổ và "*người An Nam có thể nhìn thấy được một tương lai huy hoàng sẽ đến*"²⁸.

Hai ngày sau đảo chính (11/3/1945), theo gợi ý của Yokoyama, Bảo Đại tuyên bố xóa bỏ các Hiệp

ước 1884 và các Điều ước đã ký với Pháp và tuyên bố Việt Nam độc lập. Bản Tuyên bố độc lập bao gồm những nội dung chính như: Tuyên bố Việt Nam độc lập; xóa bỏ các Hiệp ước đã ký với Pháp; sẽ hợp tác thân thiện với Đại Nhật Bản để cùng nhau xây dựng khu thịnh vượng chung Đại Đông Á²⁹. Ngày 17/3/1945, Bảo Đại ban Dụ số 1 với nội dung:

1. Chế độ chính trị từ nay căn cứ vào khẩu hiệu "*DÂN VI QUÝ*".

2. Sẽ chiêu tập các nhân tài đích đáng để chỉnh đốn lại nền tảng quốc gia cho xứng đáng là một nước độc lập chân chính có thể hợp tác với Đại Nhật Bản trong công cuộc kiến thiết Đại Đông Á.

3. Trẫm sẽ tái định và tuyên bố các cơ quan chính trị, để ban hành những phương pháp hợp với nguyện vọng của Quốc dân³⁰.

Ngày 19/3/1945, Bảo Đại yêu cầu toàn bộ Hội đồng Thượng thư gồm sáu người do Phạm Quỳnh đứng đầu từ chức. Tiếp đó, Bảo Đại cho gửi điện mời một số nhân sĩ về Huế giúp việc chính sự nhằm phục hưng đất nước. Trong số những nhân vật được Bảo Đại mời có những cựu quan lại như Ngô Đình Diệm, Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông, nhưng chủ yếu là các trí thức Tây học nổi tiếng như Trần Đình Nam, Hồ Tá Khanh, Lưu Văn Lang, Hoàng Xuân Hãn, Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Trần Văn Bính. Ông Phạm Khắc Hòe cho biết rằng, chỉ mấy ngày sau, các ông Trần Đình Nam, Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Trọng Phu, Trần Văn Thông, Vũ Văn Hiến và Phan Anh đã đến Huế để gặp Bảo Đại³¹. Ngày 17/4/1945, Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim được thành lập bao gồm 10 Bộ do các nhà trí thức Tây học đứng đầu. Sự ra đời của Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim nằm trong ý đồ và do bàn tay đạo diễn của giới chức quân sự Nhật tại Đông Dương. Chính phủ này vốn tập hợp những trí

²⁵ Masaya Shiraishi (1992), "The Background to the Formation of the Tran Trong Kim Cabinet", tr.141.

²⁶ Ellen J. Hammer (1954), *The Struggle for Indochina*, Stanford University Press, California, tr.46.

²⁷ Daniel Grand Clément (2006), *Bảo Đại hay những ngày cuối cùng của vương quốc An Nam*, Nguyễn Văn Sự dịch, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr.169.

²⁸ David C. Marr (1995), *Vietnam 1945: The Quest of Power*, California, tr.70.

²⁹ Như trên, *Sdd*, tr.71.

³⁰ Vũ Đình Hòe (1994), *Hồi ký*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.269-270; Nguyễn Kỳ Nam (1964), *Hồi ký (1925 - 1964)*, Tập II (1945 - 1954), Tác giả xuất bản, Sài Gòn, tr.169.

³¹ Phạm Khắc Hòe (1985), *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, tr.26.

thức yêu nước chân thành, có ý thức phụng sự dân tộc, nhưng lại hoàn toàn thiếu kinh nghiệm hoạt động chính trị, thiếu lực lượng hậu thuẫn, hơn nữa, Chính phủ này được ra đời trong tình thế cực kỳ khó khăn.

Ba tuần sau khi chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập, ngày 9/5/1945, phát-xít Đức đầu hàng. Việc Nhật Bản bị tiêu diệt hoàn toàn chỉ còn là vấn đề thời gian. Chính phủ De Gaulle đang ra sức chuẩn bị cho việc tái chiếm Đông Dương. Ngay trong tháng 5/1945, De Gaulle đã lập đội *Khinh binh can thiệp* (Corps Léger d'Intervention) do Đại tá Paul Huard chỉ huy. Đội quân này được gửi tới Ceylan (nay là Sri Lanka) nhằm chuẩn bị đột nhập vào Đông Dương. Ngày 7/6/1945, chính phủ De Gaulle thành lập Đội quân viễn chinh Pháp do tướng Blaizot chỉ huy. Trong khi đó, ở Việt Nam, nạn đói đang hoành hành dữ dội cướp đi sinh mạng của hàng chục ngàn người mỗi ngày ở Bắc và Bắc Trung Kỳ.

Giới quân sự Nhật dự định sử dụng Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim là để cung cấp tài chính, nguồn lực chiến tranh cho Nhật và cũng để chuẩn bị cho khả năng đổ bộ của quân Đồng Minh. Ngày 12/3/1945, các giới chức ngoại giao và quân sự của Nhật họp tại Bangkok nhằm đối phó với tình trạng khẩn cấp của Miến Điện, Thái Lan và Đông Dương. Một bức điện tín được gửi về Tokyo có đoạn viết: *“Chúng tôi lên kế hoạch cố vũ càng nhiều càng tốt những cuộc nổi dậy của các sắc tộc địa phương và biến khu này thành cơ sở chiến đấu vòng ngoài ở mức độ tối đa, qua đó làm giảm đi gánh nặng phòng thủ của chính chúng ta. Đến lúc đó, chúng ta phải tăng cường nỗ lực để kiểm soát thái độ tinh thần và khơi dậy tình cảm thân Nhật”*³².

Trong tình thế như vậy, Bảo Đại chấp nhận phụ thuộc vào Nhật, hợp tác với Nhật. Đối với Bảo Đại thì *“ngay cả một nền độc lập trên danh nghĩa cũng có thể tận dụng được nhiều hơn là không có độc*

*lập”*³³. Khi Bảo Đại yêu cầu Trần Trọng Kim đứng ra lập Nội các mới, ông nói với ông Kim rằng: *“Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội, tuy chưa phải độc lập hẳn, nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước”*³⁴. Tuy nhiên, cách nhận thức phụ thuộc vào Nhật đã làm suy yếu nghiêm trọng uy tín của triều đình Bảo Đại. Tuyên cáo của Chính phủ Trần Trọng Kim ngày 8/5/1945, có đoạn: *“phải thành thật hợp tác với Đại Nhật Bản trong sự kiến thiết Đại Đông Á. Vì cuộc thịnh vượng chung của Đại Đông Á có thành thì sự độc lập của nước ta mới không phải là giấc mộng thoáng qua”*³⁵.

Nền độc lập mà Nhật Bản trao cho Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim chỉ mang tính chất danh nghĩa hơn là thực quyền để nó có thể hoạt động được. Để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước cũ, Đông Dương được đặt dưới sự chỉ huy của Tổng tư lệnh Terauchi. Đại sứ Yokoyama giữ chức Khâm sứ Trung Bộ, Minoda làm Thống đốc Nam Bộ, Tsukamoto làm Thống sứ Bắc Bộ. Toàn bộ vị trí cao nhất của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương đều nằm trong tay người Nhật. Trong Hồi ký của mình Trần Trọng Kim cho biết: *“Lúc chính phủ chúng tôi mới lập ra, bao nhiêu chính quyền của người Pháp giữ nước và việc cai trị ở các tỉnh đều do viên cố vấn tối cao Nhật tạm thời quyết định. Những văn thư và tờ trình báo, cơ quan ở tỉnh đều gửi qua bên phòng tối cao cố vấn”*³⁶.

Chủ quyền quốc gia cũng bị giới hạn. Tuy Nhật Bản tuyên bố trao trả “độc lập” cho Việt Nam nhưng việc kiểm soát lãnh thổ của Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim chỉ giới hạn ở một số vùng

³² Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), OSS và Hồ Chí Minh, tr.214.

³³ Như trên, Sđd, tr.213-214.

³⁴ Trần Trọng Kim (1969), Một cơn gió bụi (Kiến Văn Lục), tr.51.

³⁵ Đỗ Đình Hằng - Trần Văn La (1996), Quan hệ Nhật - Pháp ở Đông Dương trong chiến tranh Thái Bình Dương, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.108.

³⁶ Trần Trọng Kim (1969), Một cơn gió bụi (Kiến Văn Lục), tr.55.

nhất định, “*Bắc Bộ và Nam Bộ còn trong tay người Nhật*”. Nhật vẫn giữ các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và toàn bộ xứ Nam Bộ. Nhật lại giữ hết những cơ quan trọng yếu như: sở công an, sở tuyên truyền và các công sở thuộc Phủ Toàn quyền cũ của Pháp như Nha học chính, Nha Tư pháp, sở Bưu điện, sở Công chánh, sở Tài chánh. Trong một cuộc họp với các công chức Việt Nam ở Long Xuyên ngày 30/3/1945, Thống đốc Minoda nhấn mạnh rằng không ai có thể hiểu lầm sự kiện rằng Nam Kỳ thuộc quyền “*chỉ huy quân sự*” của Nhật, hay nền độc lập của Việt Nam tùy thuộc vào kết quả của cuộc chiến³⁷. Minoda đã nói rõ ý muốn của người Nhật rằng: “*Có một sự hiểu lầm lớn về độc lập ở Đông Dương. Sự độc lập này hoàn toàn ở dưới sự kiểm soát quân sự của Nhật Bản. Sự độc lập của đế chế Trung Bộ và Cao Miên đã được tuyên bố. Nam Bộ chẳng những nằm dưới sự kiểm soát quân sự mà còn dưới sự cai trị quân sự của Nhật. Vậy, không có sự độc lập của Nam Bộ*”³⁸.

Chính phủ đổi Bắc Kỳ thành Bắc Bộ, Trung Kỳ thành Trung Bộ, Nam Kỳ thành Nam Bộ, tuy lúc đó Nam Bộ chưa chính thức được sáp nhập vào trung ương. Trần Trọng Kim cử Trần Văn Chương ra Hà Nội thương lượng với tướng Yuichi Tsuchihashi, tổng tư lệnh quân đội Nhật, kiêm toàn quyền Đông Dương, về sáp nhập Bắc Bộ vào Việt Nam. Ngày 13/7/1945, đích thân Trần Trọng Kim ra Hà Nội thương thuyết. Toàn quyền Nhật Bản Yuichi Tsuchihashi chịu trả ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng, vốn là nhượng địa của Việt Nam cho Pháp từ năm 1888. Chính phủ bổ nhiệm Trần Văn Lai làm đốc lý (thị trưởng) Hà Nội, Vũ Trọng Khánh làm đốc lý Hải Phòng và Nguyễn Khoa Phong làm đốc lý Đà Nẵng. Nam Kỳ nay là Nam Bộ vốn là thuộc địa của Pháp, theo quy chế riêng. Vì vậy, lúc đầu người Nhật trì hoãn việc trả Nam Bộ, nhưng cho đến khi Nhật Bản sắp đầu hàng

quân Đồng Minh thì họ mới chịu giao Nam Bộ lại cho Việt Nam từ ngày 8/8/1945³⁹. Chính phủ mới ra đời nhưng không có Bộ quốc phòng, theo Trần Trọng Kim thì “*việc phòng bị do quân Nhật đảm nhiệm hết... nếu mình đặt Bộ quốc phòng thì chỉ có danh, không có thực*” và vì “*lúc ấy quân lính và súng ống không có*”⁴⁰. Mặt khác, Chính phủ mới cũng không thể kiểm soát được nền tài chính của mình. Ngân hàng Đông Dương được mở cửa trở lại nhưng do Nhật kiểm soát, Nhật vẫn tiếp tục in tiền cho dù mức lạm phát đang ở trong tình trạng phi mã⁴¹.

Như vậy, không ai nhận ra thực tế của tình hình hơn chính bản thân giới chức cầm quyền Nhật. Mặc dù họ dự định sử dụng chính phủ mới cho phù hợp với tình trạng thực tế của Đế quốc, cố vấn Yokoyama và một số viên chức khác của Nhật nhận ra rằng họ cần phải phục hồi hình ảnh của Bảo Đại để làm cho ông ta có vẻ là một nhà lãnh đạo Việt Nam hơn là một con rối của Nhật⁴². Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động mà chính phủ mới mang lại chẳng được bao nhiêu. Đối với hầu hết người dân Việt Nam, cuộc sống của họ dưới sự điều hành của Chính phủ mới cũng chẳng khá lên được bao nhiêu. Ông Nghiêm Kế Tổ nhận xét: “*Dân Việt Nam có Chính phủ tận tâm và nhiệt thành. Nhưng buồn thay dưới áp lực của người Nhật, vì đại đa số người dân Việt Nam còn bỡ ngỡ trước những vấn đề chính trị cho nên trên thực tế kết quả công việc chẳng được là bao*”⁴³.

Đại bộ phận viên chức cấp thấp của người Pháp và người Việt đã quay lại làm việc sau đảo chính. Các cơ sở kinh doanh và công sở được mở trở lại và cuộc sống ở thành thị và nông thôn vẫn tiếp tục trôi

³⁷ Vũ Ngự Chiêu (Feb, 1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution”, tr.296.

³⁸ Ellen J. Hammer (1954), *The Struggle for Indochina*, tr.50-51; Ngô Văn Quỳ (2001), *Đêm dài Nhật – Pháp bắn nhau*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr.88-89.

³⁹ David C. Marr (1995), *Vietnam 1945: The Quest of Power*, tr.132-135.

⁴⁰ Trần Trọng Kim (1969), *Một cơn gió bụi (Kiến Văn Lục)*, tr.55.

⁴¹ Tønnesson Stein (1991), *The Vietnam Revolution of 1945*, tr.292.

⁴² Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh*, tr.214.

⁴³ Nghiêm Kế Tổ (1954), *Việt Nam máu lửa*, Nxb Mai Lĩnh, Sài Gòn, tr.26.

đi. Mặc dù đã được “giải phóng” nhưng nhiều người Việt Nam vẫn không có thiện cảm và e ngại Nhật, những kẻ nêu cao khẩu hiệu “độc lập” nhưng thực chất chỉ là đại diện cho một thế lực áp bức mới. Trong khi đó, Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim chỉ mang tính chất “*danh nghĩa*” nhiều hơn là có thực quyền, dù muốn đưa ra chính sách cứu tế hữu hiệu đối với nạn đói đi nữa thì thực lực để thực hiện cũng không có. Đặc biệt là Nam Bộ tiếp tục bị đặt dưới quyền quản lý của Nhật Bản nên Nội các Trần Trọng Kim không thể tổ chức vận chuyển lương thực thừa từ Nam Bộ ra Bắc Bộ để cứu đói⁴⁴.

Chỉ bao lâu sau khi tuyên bố thành lập (17/4/1945), Nội các Trần Trọng Kim tỏ ra bất lực trước những yêu cầu của đất nước, ba Bộ trưởng xin từ nhiệm, một Bộ trưởng chết vì bom Mỹ, các Bộ trưởng khác tuyên bố bất lực, không thể làm được việc gì nếu không được cổ vũ tột cao Nhật đồng ý. Ngày 5/8/1945, Nội các Trần Trọng Kim chính thức đệ đơn xin Bảo Đại cho từ chức. Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình trong và ngoài nước, Bảo Đại cũng không thể làm gì khác hơn là chuẩn y yêu cầu trên một ngày sau đó. Trong lúc chưa lập được chính phủ mới, Bảo Đại yêu cầu Nội các Trần Trọng Kim lập thành một Nội các lâm thời để tiếp tục điều hành mọi công việc.

Ngày 14/8/1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện với Đồng Minh. Chỗ dựa cuối cùng của Bảo Đại đã sụp đổ. Tại cuộc họp khẩn cấp của Nội các lâm thời ngày 17/8/1945, Bảo Đại đã ký một số thông điệp gửi đến nguyên thủ các nước Đồng Minh yêu cầu công nhận nền độc lập của Việt Nam. Bức thông điệp gửi đến De Gaulle có đoạn: “*Các vị đã trải qua quá nhiều đau khổ trong bốn năm đầy tang tóc dưới chế độ chiếm đóng, nên không thể không hiểu rằng dân tộc Việt Nam có hơn hai ngàn năm lịch sử đầy vinh quang trong quá khứ, không muốn và không thể chịu đựng được nữa bất kỳ sự đô hộ nào của ngoại bang. Chắc các vị sẽ hiểu rõ hơn nếu các vị chứng kiến những sự kiện*

đang diễn ra ở đây, nếu các vị cảm nhận được cái ý chí độc lập ấp ủ trong con tim của mọi người dân mà không một sức mạnh trần thế nào ghìm lại được”⁴⁵.

Ngày 17/8, Bảo Đại ký đạo Dụ 105, khẳng định: nhà vua sẵn sàng giao chính quyền cho Việt Minh – là tổ chức đã đấu tranh nhiều nhất cho quyền lợi của nhân dân và mời các lãnh tụ Việt Minh về Huế lập Nội các; vấn đề chính thể sẽ do nhân dân quyết định sau, nhà vua cam đoan sẽ làm theo ý của nhân dân. Nhưng Việt Minh từ chối hợp tác. Sau khi cân nhắc, ngày 20/8/1945, Bảo Đại quyết định thoái vị. Ngày 23/8/1945, Ông nhận được tối hậu thư của Việt Minh Nguyễn Tri Phương (tức tỉnh Thừa Thiên Huế) sau khi đã khước từ lời đề nghị bảo vệ an ninh cho ông của một sĩ quan Nhật rằng “*tôi không muốn quân đội ngoại bang gây đổ máu cho thân dân của tôi*”⁴⁶. Chiều ngày 30/8/1945, lễ thoái vị của Bảo Đại được chính thức tổ chức tại Ngọ Môn (Huế), Bảo Đại chính thức trở thành công dân Nguyễn Vĩnh Thụy, chấm dứt thời kỳ trị vì của chế độ phong kiến ở Việt Nam.

Kết luận

Đứng trước nguy cơ phải đối phó với cảnh Đồng Minh đổ bộ vào Đông Dương và quân Pháp tại Đông Dương nổi dậy đánh thọc lưng ngay phía sau. Nhật quyết định loại bỏ Pháp ra khỏi Đông Dương để phòng trừ hậu họa vì không muốn một mình phải đối phó với một lúc nhiều kẻ thù. Chính sách xử lý Đông Dương của Nhật sau đảo chính đã ảnh hưởng lớn đến tình hình Việt Nam sau đó. Mục đích của Nhật là muốn giữ nguyên tình hình, không gây xáo trộn về chính trị, do đó, sự ra đời của Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim nằm kế hoạch của người Nhật. Đó là giải pháp hợp lý nhất. Bằng việc sử dụng Chính phủ này để cung cấp tài chính, nguồn lực chiến tranh cho Nhật và cũng là để chuẩn bị cho

⁴⁴ Futura Motoo (1998), *Việt Nam trong lịch sử thế giới*, tr.125.

⁴⁵ Par Philippe GrandJean (Mai-Juin 2004), “L’amiral Decoux à la barre: En dépit des pires circonstances, la souveraineté française fut maintenue en Indochine de 1940 à 1945. Bilan par un témoin”, *L’indochine Française*, La Nouvelle Revue D’histoire, Numéro 12, tr.37.

⁴⁶ David C. Marr (1995), *Vietnam 1945: The Quest of Power*, tr.444.

khả năng đổ bộ của quân Đồng Minh. Một lần nữa, việc Cường Để không trở về nước làm cho những phần tử người Việt Nam theo họ vỡ mộng.

Chính sách xử lý Đông Dương của Nhật cũng đã ảnh hưởng lớn đến tình hình Việt Nam sau đó. Một mặt, Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim mà trung tâm là những nhà trí thức khoa bảng không đảng phái trở thành những “chính khách bất đắc dĩ” muốn nhân cơ hội Nhật đảo chính Pháp để thoát ra khỏi nền bảo hộ, tuyên bố độc lập - cho đến lúc đó hầu như không có thực quyền, không có kinh nghiệm về hoạt động chính trị và không có được sự

hậu thuẫn rộng rãi. Mặt khác, chính sách ôn hoà với thể chế chính trị hiện có của Nhật Bản đã ứng phó khó khăn với nạn đói tại Việt Nam lúc đó. Quân đội Nhật lúc đó chỉ tập trung sự chú ý để đối phó với cuộc đổ bộ sắp tới của quân Đồng Minh mà không quan tâm tới cái bao tử của hàng triệu người dân Việt Nam đã được trao trả “độc lập”. Nền độc lập mà Nhật Bản trao cho Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim chỉ mang tính chất danh nghĩa, người Nhật trên thực tế trở thành đại diện của thế lực áp bức mới tại Việt Nam cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Japan's political solution in Vietnam from March 1945 to August 1945

- **Phan Van Ca**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

After the coup d'etat of the French colonial administration in Indochina ending the period of Japan-France co-governing, the Japanese government publicized its policy to support the foundation of Vietnam's "independence". However, the overall view of the political context of the time, the establishment of the Bao Dai-Tran Trong Kim government is a Japanese solution to Vietnam's situation in the post-coup d'etat period. This solution stemmed from the plans of the Japanese ruling

authorities and the specific historical context in Vietnam at that time. For Japan, the ultimate goal which needed to be reached after the coup was not to affect the effort of the war. For France, not only they lost colonies but also their standing position was underestimated in the eyes of the colonists. For the relationship between Japan and Vietnam, the nature and its motive would change in the way as it should have been.

Keywords: Japan's Political Solution, Vietnam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Archimedes L.A. Patti (1995), *Why Vietnam?*, Lê Trọng Nghĩa dịch, Nxb Đà Nẵng.
- [2]. Vũ Ngự Chiêu (Feb, 1986), “The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution: The Empire of Viet- Nam (March-August 1945)”, *The Journal of Asian Studies*, Vol.45, No.2.
- [3]. Bảo Đại (1980), *Le Dragon d’Annam*, Plon, Paris.
- [4]. Daniel Grand Clément (2006), *Bảo Đại hay những ngày cuối cùng của vương quốc An Nam*, Nguyễn Văn Sự dịch, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
- [5]. David C. Marr (1980), “World War II and the Vietnamese Revolution” in *Southeast Asia under Japanese Occupation*, Alfred W. McCoy [Ed], New Haven.
- [6]. David C. Marr (1995), *Vietnam 1945: The Quest of Power*, California.
- [7]. Dixee R. Bartholomew-Feis (2007), *OSS và Hồ Chí Minh: Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, Lương Lê Giang dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [8]. Edward Miller (2004b), “Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem, 1945-54”, *Journal of Southeast Asian Studies*, Vol.35.
- [9]. Ellen J. Hammer (1954), *The Struggle for Indochina*, Stanford University Press, California.
- [10]. Futura Motoo (1998), *Việt Nam trong lịch sử thế giới*, Nguyễn Văn Nguyệt dịch, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [11]. Đỗ Đình Hằng - Trần Văn La (1996), *Quan hệ Nhật - Pháp ở Đông Dương trong chiến tranh Thái Bình Dương*, Nxb CTQG, Hà Nội.
- [12]. Phạm Khắc Hòe (1985), *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb. TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
- [13]. Vũ Đình Hòe (1994), *Hồi ký*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
- [14]. Trần Trọng Kim (1969), *Một cơn gió bụi (Kiến Văn Lục)*, Nxb Vĩnh Sơn, Sài Gòn.
- [15]. Nguyễn Đình Lê (8.1994), “Nền tảng của nội các Trần Trọng Kim: Những kế hoạch của Nhật về chính quyền Việt Nam”, *Xưa và Nay*, Số (5).
- [16]. Nguyễn Kỳ Nam (1964), *Hồi ký (1925 - 1964)*, Tập II (1945 - 1954), Tác giả xuất bản, Sài Gòn.
- [17]. Par Philippe GrandJean (2004), “L’amiral Decoux à la barre: En dépit des pires circonstances, la souveraineté française fut maintenue en Indochine de 1940 à 1945. Bilan par un témoin”, *L’indochine Française*, La Nouvelle Revue D’histoire, Numéro 12.
- [18]. Ngô Văn Quỹ (2001), *Đêm dài Nhật – Pháp bắn nhau*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [19]. Văn Tạo - Furuta Motoo (1995), *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam: những chứng tích lịch sử*, Viện sử học Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
- [20]. Nghiêm Kế Tổ (1954), *Việt Nam máu lửa*, Nxb Mai Lĩnh, Sài Gòn.
- [21]. Tønnesson Stein (1991), *The Vietnam Revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at war*, International Peace Research Institute, Oslo.
- [22]. Phạm Hồng Tung (2009), *Nội các Trần Trọng Kim: Bản chất, vai trò và vị trí lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23]. Tran My Van (June 2009), “Prince Cường Để (1882-1951) and his Quest for Vietnamese Independence”, *New Zealand Journal of Asian Studies* 11,1.
- [24]. Masaya Shiraishi (1992), “The Background to the Formation of the Tran Trong Kim Cabinet in April 1945: Japanese Plans for Governing Vietnam”, in *Indochina in the 1940s and 1950s*, Takashi Shiraishi - Motoo Furuta, New York: Cornell.